TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2024/HS-PT
Ngày: 17- 4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường

bà Trần Thị Kim Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Lê Viết S về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";* do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Lê Viết S, sinh ngày 10-4-1969, tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: 2 H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: kinh doanh bất động sản; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Lê Viết K (đã chết); họ và tên mẹ: Ngô Thị Đ; sinh năm: 1948, vợ: Đậu Thị H (đã chết); có 04 con gồm Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1995, Lê Đức M, sinh năm 1997, Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1998, Lê Viết M1, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt để tạm giam theo Lệnh số 27/LB-CSHS ngày 02/8/2022 và tạm giam từ ngày 02/8/2022 tại trại Tạm giam công an tỉnh T đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Phan Minh T – Luật sư của văn phòng L1 – Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

Luật sư Phan Quốc T1, Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt.

- *Bị hại*: bà Nguyễn Kim C (Nguyễn Thị Kim C1), sinh năm 1964; trú tại: F N, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Thúy N, sinh năm 1958, trú tại: Số F N, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

2. Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965, trú tại: Tổ B, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt

3. Nguyễn Thị Linh K1, sinh năm 1983, trú tại: Khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. vắng mặt

4. Tạ Văn P; trú tại: A C, T, phường A, Quận N, thành phố Cần Thơ, có đơn xin vắng mặt.

5. Phạm Thị Bích H1,sinh năm 1960, trú tại: Tổ E, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

6. Trần Việt H2 sinh năm 1983, trú tại: C lộ B tổ F, KĐTM T, phường Y, quận C, Hà Nội, vắng mặt.

7. Nguyễn Kiều T2,sinh năm 1989, trú tại: P, CT8B, khu đô thị Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt

8. Lê Nguyên T3, sinh năm 1978, trú tại: C N, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

9. Nguyễn Việt S1, sinh năm 1966, trú tại: A Đường Số B, Cư xá L, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

10. Nguyễn Thị Cẩm H3, sinh năm 1968, trú tại: A Đường Số B, C xã L, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

11. Nguyễn Thị Ngân B, sinh năm 1956, trú tại: F P, phường D, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng mặt.

12. Lê Thị Mỹ N2, sinh năm 1998, trú tại: 1 T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

13. Lê Đức M, sinh năm 1997, trú tại: 1 H, T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

14. Lê Viết M1, sinh năm 2001, trú tại: 1 T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

15. Lê Quốc C2, sinh năm 1963, trú tại: E V, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

16. Phạm Quốc H4, sinh năm 1963, trú tại: C P, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

17. Trương Hoài T4, sinh năm 1986, trú tại: Tổ A, khu V, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

18. Lê Thị Thúy H5, sinh năm 1963, trú tại: số B TT Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, Lê Viết S làm quen với bà Lê Thị Thúy H5. sinh năm: 1963, định cư tại: Sonmen W D, Cộng hòa Liên Bang Đ qua mạng xã hội Facbook. S và bà H5 liên lạc với nhau. qua ứng dụng Messger và số điện thoại của S là 0905799578. Ngày 21/5/2018, Lê Viết S thuê mặt bằng tại đường T,

phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, bán cà phê và có đặt thêm bảng hiệu: "Môi giới bất động sản". Ngày 05/4/2019, bà H5 về Việt Nam nên đến quán cà phê của S tại Đà Nẵng thăm chơi và ở lại 02 ngày. Sau đó, bà H5 ra thăm nhà S tại 1 H, phường T, thành phố H và ở lại Huế khoảng 01 tuần. Khi bả H6 ra Nam Định thì S và mẹ là bà Ngô Thị Đ cùng đi thăm gia đình bà H6, tại số B, khu Tập Thể Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định và ở chơi khoảng 01 tuần. Trong khoảng thời gian này, S gặp và giao lưu ăn uống với nhóm bạn của bà H5, trong đó có bà Nguyễn Kim C1, sinh năm: 1964, trú tại: F N, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. S tự giới thiệu với bà C1 là mình đang kinh doanh bất động sản tại thành phố Đà Nẵng. Do có nhu cầu mua đất để đầu tư nên chị C1 nhờ S mua đất tại thành phố H hoặc thành phố Đà Nẵng. S cùng bà H5 vào thành phố Đà Nẵng để tìm đất, rồi quay Clip gửi cho bà C1 xem, trong đó có các lô đất số 69 phân khu B1-3, khu tái định cư H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (Sang mua và đứng tên). Tin là thật nên bà C1 nhờ S mua đất và đứng tên, khi cần thì đầu tư xây dựng hoặc nói S bán kiếm lời.

Từ ngày 22/4/2019 đến 06/12/2019, bà C1 chuyển tiền và nhờ những người quen là chị Lê Thúy N, trú tại: Số F N, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, chị Nguyễn Thị N1, trú tại: Tổ B, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, chị Nguyễn Thị Linh K1, trú tại: Khối phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, anh Tạ Văn P, trú tại: A C, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; chị Phạm Thị Bích H1, trú tại: Tổ E, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội; anh Trần Việt H2, trú tại: C lô B tổ F, KĐTM T, phường Y, Quận C, thành phố Hà Nội, chị Nguyễn Kiều T2, trú tại: P, CT8B, khu đô thị Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, chị Lê Nguyên T3, trú tại: C N, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh, anh Nguyễn Việt S1, trú tại: A Đường Số B, C xã L, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, chị Nguyễn Thị Cầm H7, trú tại: A Đường Số B, C xã L, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, chị Nguyễn Thị Ngân B, trú tại: F P, phường D, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 số 55110000550723 của Lê Viết S, tại khoản Ngân hàng A số 2011206035772, của Lê Viết M1 (Sinh năm 2001, trú tại: 1 T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai), tài khoản ngân hàng A số 1220205229964 của Lê Đức M (Sinh năm 1997, trú tại: Lô C, Khu đô thị Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh) là con ruột của S, cụ thể như sau:

- Ngày 22/4/2019, bà C1 chuyển 250.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.
- Ngày 26/4/2019, chị Nguyễn Thị N1 chuyển 570.460.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết M1.
- Ngày 20/5/2019, chị Phạm Thị Bích H1 chuyển 391.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S. - Ngày 22/5/2019, chị Nguyễn Thị N1 chuyển 104.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết M1.
- Ngày 23/5/2019, chị Nguyễn Thị Linh K1 chuyển khoản hai lần 156.300.000 đồng (một lần là 56.300.000 đồng và một lần là 100.000.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết M1.

- Ngày 27/5/2019 chị Nguyễn Thị N1 chuyển 104.480.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết M1.

- Ngày 28/5/2019, chị Nguyễn Thị Linh K1 chuyển 78.360.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết M1.

- Ngày 29/5/2019, anh Tạ Văn P chuyển khoản: 500.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S

- Ngày 26/6/2019, anh Trần Việt H2 chuyển khoản hai lần 157.000.000 đồng (một lần là 100.000.000 đồng và một lần là 57.000.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 01/7/2019, anh Trần Việt H2 chuyển 26.250.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 02/7/2019, chị Lê Thúy N chuyển 391.741456 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Đức M.

- Ngày 04/7/2019, chị Nguyễn Kiều T2 chuyển 26.250.000 đồng vào tà khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 05/7/2019, anh Trần Việt H8 chuyển 52.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 11/7/2019, chị Nguyễn Kiều T2 chuyển 26.250.000 đồng vào khoản ngân hàng của Lê Viết S. Ngày 11/7/2019, chị Lê Nguyên T3 chuyển 52.500.000 đồng vào khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 15/7/2019, anh Trần Việt H2 chuyển 49.875.000 đồng vào khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 25/7/2019 chị Lê Thúy N chuyển 849,439.371 đồng vào tài khoản Ngân hàng của Lê Đức M.

- Ngày 06/8/2019, chị Lê Thúy N chuyển 299.802.131 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Đức M

- Ngày 13/8/2019, chị Lê Thúy N chuyển khoản: 616.593.049 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Đức M.

- Ngày 28/8/2019, anh Nguyễn Việt S1 chuyển khoản: 265.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 30/8/2019, chị Nguyễn Thị Cẩm H3 chuyển 265.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 05/9/2019, bà C1 chuyển 255.915.520 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 09/9/2019, bà C1 chuyển 255.915.520 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 28/10/2019, anh Trần Việt H2 chuyển 178.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S. Ngày 11/11/2019, chị Nguyễn Thị Ngân B chuyển 156.942.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

- Ngày 06/12/2019, anh Trần Việt H2 chuyển khoản 63.750.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Lê Viết S.

Tổng cộng số tiền bà C1 và những người quen của bà C1 đã chuyển vào tài khoản của Lê Viết S, Lê Viết M1, Lê Đức M là 6.144.224.047 đồng (*Sáu tỉ một trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng*). Lê Viết M1, Lê Đức M đã chuyển lại toàn bộ số tiền đã nhận cho Lê Viết S. Trong khoảng thời gian này, S đã chuyển cho người quen của chị H1

theo yêu cầu của chị H1 (đã có sự đồng ý của chị C1) với số tiền là 1.249.180.000 đồng, còn lại 4.895.044.040 đồng.

S đã mua 01 xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, biển số 75A-15376 với giá 1.700.000.000 đồng, mua thửa số 69, tờ bản đồ số B1-3, Khu tái định cư H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, với số tiền 1.900.000.000 đồng (sang tên trước bạ ngày 20/8/2019). Đến khoảng tháng 02/2020, S nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên chặn Zalo, F của bà H1, thay đổi số điện thoại đã cắt đứt mọi liên lạc với bà H1 và bà C1. Sang trả mặt bằng quán cà phê tại Đà Nẵng, vào ở tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, S mua thửa đất có diện tích 5.600 m², tại xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận, làm nhà và đón mẹ là bà Ngô Thị Đ vào ở, còn S thuê nhà ở tại phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Ngày 06/5/2020, chị C1 làm đơn tố giác gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T (PC02). Cơ quan điều tra, tiếp nhận tin báo, ngày 14/7/2020 ra thông báo số: 401/CSHS truy tìm Lê Viết S. Biết bị bà C1 tố cáo, ngày 01/10/2020, S làm đơn nhờ Luật sư Nguyễn Phúc T5 - Đoàn luật sư Thành phố Đ, bảo vệ liên lạc với Luật sư T5 mà tiếp tục bỏ trốn. Đến ngày 20/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, truy tìm được S tại phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

* Vật chứng của vụ án:

- Ngày 06/5/2020, bà Nguyễn Kim C1, giao nộp các giấy chuyển tiền và ảnh chụp liên quan đến Lê Viết S (BL: 119-143)

- Các tài liệu sao kê của Ngân hàng N3 - Chi nhánh C3, ngày 21/10/2022 (BL 242-368)

- Các tài liệu sao kê của Ngân hàng N3 - Chi nhánh L2, ngày 22/9/2022 (BL: 370-476)

- Biên bản tạm giữ tài liệu do Lê Viết S giao nộp gồm: 63 trang giấy A4, 38 trang giấy A4, có chữ ký xác nhận của Lê Viết S (BL: 510-612) - Biên bản tam giữ đồ vật, tài liệu ngày 02/8/2022 gồm: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, do Lê Viết S, giao nộp (BL: 606)

- Biên bản tam giữ đồ vật, tài liệu ngày 20/6/2022, do Lê Viết S giao nộp gồm: 01 xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, BKS: 75A-15376 (kèm chìa khóa xe); 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V220114 (Quyền sử dụng đất số 01713/QSDĐ/QDD642-2002H, ký ngày 16/8/2002); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC851262 (số vào sổ cấp GCN: CTs 93351, ký ngày 08/4/2016), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 026556 mang tên Lê Viết S (BL: 608-609)

* Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Bị cáo Lê Viết S không thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 51/CT-VKS-P2 ngày 07/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố Lê Viết Sang về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2023/HSSTngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

- Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Tuyên bố bị cáo Lê Viết S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

sản"; Xử phạt bị cáo Lê Viết S: 12 (*Mười hai*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam: 02/8/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Lê Viết S phải bồi thường cho bà Nguyễn Kim C1 số tiền 4.895.044.040 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm chín lăm triệu, không trăm bốn bốn ngàn, không trăm bốn mươi đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

- Ngày 15-12-2023 bị cáo Lê Viết S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, cho rằng bị cáo không phạm tội. Gửi kèm đơn kháng cáo là các Vi bằng và Biên bản xác minh của Luật sư Phan Minh T có nội dung giữa bị cáo S và Lê Thị Thúy H5 có mối quan hệ tình cảm; bà H5 tặng cho tiền thông qua chuyển khoản để bị cáo S mua đất và xe ô tô, nhưng sau do mối quan hệ tình cảm tan vỡ nên bà H5 đã nhờ bà C1 một số đối tượng lạ đe dọa trả lại tiền, làm cho S lo sợ phải lánh đi nơi khác.

- Ngày 20-12-2023 bị hại Nguyễn Kim C1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và đề nghị tính lãi suất số tiền mà bị cáo chiếm đoạt.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Viết S giữ nguyên kháng cáo với nội dung bị cáo không phạm tội, trình bày tranh luận là bị cáo không có quan hệ làm ăn mua bán đất đai với bà Nguyễn Kim C1. Bà C1 là bạn của bà H5. Bà H5 và bị cáo có mối quan hệ tình cảm yêu đương, do thấy bị cáo hoàn cảnh "*gà trống nuôi con*" nên bà H5 đã cho tiền bằng cách chuyển khoản. Bị cáo cũng thấy chuyển từ những tên tài khoản lạ, có hỏi bà H5 thì bà nói rằng không cần biết ai chuyển, cứ nhận tiền. Bị cáo đã dùng số tiền này để mua xe và mua đất đúng như ý muốn của bà H5. Sau này do mối quan hệ tình cảm tan vỡ nên bà H5 và bà C1 thuê giang hồ gây áp lực, đe dọa làm bị cáo lo sợ phải tạm lánh mặt; nay lại cho rằng bị cáo bỏ trốn để chiếm đoạt tiền là không đúng, bị cáo không chiếm đoạt tiền của bà C1; còn tiền của bà H5 cho thì bị cáo sẵn sàng trả lại, nhưng với điều kiện là bà H5 phải trực tiếp về nước để trao đổi giải quyết với bị cáo vì còn nhiều chuyện vướng mắc chưa giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày tranh luận: Cơ quan điều tra thu thập chứng cứ không đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Không có cơ sở xác định khoản tiền 4.895.044.040 đồng là tiền của bà Nguyễn Kim C1, đây là tiền của bà Lê Thị Thúy H5 tặng cho bị cáo S, giữa S và bà H5 có mối quan hệ tình cảm, sau do tan vỡ nên bà H5 thông qua bà C1 đòi lại tiền và gây nên sự hoang mang lo sợ cho bị cáo S, làm cho bị cáo phải đi khỏi địa phương. Mặc dù đi khỏi địa phương nhưng S vẫn ủy quyền cho các Luật sư xử lý vụ việc vì cho rằng đây là quan hệ dân sự đòi lại tiền. Đề Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại từ đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai. Về nội dung kháng cáo: tại cấp phúc thẩm bên phía Luật sư của bị cáo S có nộp một số tài liệu chứng cứ là Vi bằng và Biên bản xác minh, tuy nhiên các Biên bản xác minh này là từ phía người thân của bị cáo S, đồng thời cũng chỉ để xác định giữa bị cáo và bà Lê Thị Thúy H9 có mối quan hệ tình cảm, không liên quan đến bà C1. Mức hình phạt của án sơ thẩm là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xem xét về hành vi phạm tội:

Bị cáo Lê Viết S trình bày không biết bà Nguyễn Kim C1 là người nào, số tiền chuyển vào tài khoản của bị cáo là do bà Lê Thị Thúy H5 tặng cho bị cáo, nên bị cáo không phạm tội. Tuy nhiên bà Lê Thị Thúy H5 trình bày đã tặng cho bị cáo tiền mặt khoảng 03 tỉ đồng, không liên quan đến số tiền mà bà C1 chuyển nhờ mua đất, số tiền tặng cho này bà có biết là bị cáo S đã mua xe oto, bà H5 cũng đòi lại nhưng S không trả (*bl 213-220*). Những người mà bà C1 khai là người quen nhờ chuyển tiền giúp là: Lê Thúy N, Nguyễn Thị N1, Tạ Văn P, Nguyễn Kiều T2, Lê Nguyên T3, Nguyễn Việt S1, Nguyễn Thị Cầm H7, Nguyễn Thị Ngân B đã chuyển số tiền tổng cộng là 4.990.489.047 đồng cho Lê Viết S. Những người này trong quá trình điều tra đã xác định với Cơ quan điều tra là đã chuyển giúp cho bà C1 và đã nhận đủ tiền mặt của bà C1 trả. Trong đó, đã chuyển lại cho người quen của bà H5, có sự thống nhất của bà C1 là 1.249.180.000 đồng, còn lại 3.741.309.047 đồng.

Riêng đối với trường hợp bà Phạm Thị Bích H1, bà Nguyễn Thị Linh K1, ông Trần Việt H2 với số tiền chuyển là 1.153.735.000 đồng thì quá trình điều tra không xác định địa chỉ liên lạc, hiện không biết đang ở đâu; bị hại Nguyễn Kim C1 cũng không xác định được đang ở đâu và không liên lạc được; không có lời khai xác nhận trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 22/4/2019 đến 06/12/2019 Lê Viết S đã nhận của bà Nguyễn Kim C1 3.741.309.047 đồng đồng để mua đất hộ; ngoài ra bị cáo S còn nhận từ Phạm Thị Bích H1, bà Nguyễn Thị Linh K1, ông Trần Việt H2 với số tiền chuyển khoản là 1.153.735.000 đồng. Đến tháng 02/2020, S cắt liên lạc, bỏ trốn khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở và đã chiếm đoạt số tiền nêu trên.

Với hành vi như trên, Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định bị cáo Lê Viết S phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ.

[3] Xem xét về hình phạt:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo Lê Viết S không phạm tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy bị cáo chưa bồi thường cho bị hại, nhưng bị cáo thừa nhận sẽ trả lại tiền và thực tế bị cáo đã tự nguyện nộp các tài sản như xe ô tô, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cơ quan điều tra để nhằm khắc phục hậu quả, nên Bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là hợp lý.

Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp trong khung hình phạt xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo về hình phạt của bị cáo và bị hại, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Bà Lê Thúy N, chị Nguyễn Thị N1, anh Tạ Văn P; chị Nguyễn Kiều T2, chị Lê Nguyên T3, anh Nguyễn Việt S1, chị Nguyễn Thị Cầm H7, chị Nguyễn Thị Ngân B đã chuyển số tiền tổng cộng là 4.990.489.047 đồng. Những người này trong quá trình điều tra đã xác định với Cơ quan điều tra là đã chuyển giúp cho bà C1 và đã nhận đủ tiền trả của bà C1. Trong đó, đã chuyển lại cho người quen của bà H1, có sự thống nhất của bà C1 là 1.249.180.000 đồng, còn lại 3.741.309.047 đồng. Số tiền lãi suất được tính theo thủ tục thi hành án dân sự.

Riêng đối với trường hợp bà Phạm Thị Bích H1, bà Nguyễn Thị Linh K1, ông Trần Việt H2 với số tiền chuyển là 1.153.735.000 đồng thì chưa có đủ cơ sở xác định, nên không có đủ cơ sở để tuyên trả lại cho bà Nguyễn Kim C1. Trong trường hợp có đủ cơ sở chứng minh thì người có quyền theo quy định của pháp luật có thể khởi kiện trong vụ án khác.

Do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần dân sự, buộc bị cáo trả lại cho bà Nguyễn Kim C1 3.741.309.047 đồng.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; án phí dân sự sơ thẩm được tính lại là bị cáo phải chịu là: 106.826.180 đồng. Các phần quyết định khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo về tội danh và hình phạt đối

với bị cáo Lê Việt S2, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Viết S về phần trách nhiệm dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Kim C1; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần dân sự.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Viết S 12 (Mười hai) năm tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam: 02-8-2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Lê Viết S phải bồi thường cho bà Nguyễn Kim C1 số tiền 3.741.309.047 đồng (*Ba tỉ bảy trăm bốn mươi môt triệu, ba trăm lẽ chín nghìn không trăm bốn bảy đồng*).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Lê Viết S: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh; 01 xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, BKS: 75A-15376 (kèm chìa khóa xe); 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V220114 (Quyền sử dụng đất số 01713/QSDĐ/QDD642-2002H, ký ngày 16/8/2002); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC851262 (số vào số cấp GCN: CTs 93351, ký ngày 08/4/2016), 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 026556 mang tên Lê Viết S. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh T với Cục Thi hành án tỉnh Thừa Thiên Huế được lập vào ngày 02/10/2023).

5. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lê Viết S phải chịu 200.000 đồng.

-Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Lê Viết S phải chịu 106.826.180đồng.

-Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo, bị hại không phải chịu.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tạ Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;(2 bản)
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Thừa Thiên Huế
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CAtỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long